

Bản án số: 131/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2020

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Thanh Tùng**

2. Ông **Trần Văn Nhu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Diệu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2020/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị Xuân Y**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Hoàng A**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Y, anh Hoàng A có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đinh Thị Xuân Y** trình bày: Chị và anh **Lê Hoàng A** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2018 tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh **Hoàng A** không chia sẻ chị về mặt kinh tế và tinh thần. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh **Hoàng A**.

Về con chung: Chị và anh Hoàng A có 01 con chung tên Lê Đình Bảo T, sinh ngày 09/3/2015. Hiện con chung đang sống chung với anh, chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Tại Tờ tự khai đề ngày 10/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hoàng A trình bày:* Về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Y trình bày là đúng nhưng chưa đủ. Theo anh, từ tháng 12/2017 anh bị bệnh nên tâm sinh lý có thay đổi, do phải điều trị bệnh nên anh không lo cho gia đình được về kinh tế. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến sự phát triển của con chung. Nếu như Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh Hoàng A đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y; Về con chung: Xét thấy chị Y là người trực tiếp chăm sóc con chung nên để tránh xáo trộn tâm sinh lý của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Y; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng A cũng đồng ý mức cấp dưỡng mà chị Y yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận anh Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T 3.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Y có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và nuôi con chung của chị và anh Hoàng A theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Y có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh Hoàng A nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn

và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Xuân Y và anh Lê Hoàng A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013, quyền số 01/2013 ngày 23/4/2013 nên xác định hôn nhân của anh – chị là hợp pháp. Sau khi cưới về anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đến khoảng giữa năm 2018 tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi lẫn nhau và về kinh tế gia đình khó khăn.

Xét thấy, khi xảy ra mâu thuẫn vào năm 2017 thì anh chị vẫn còn sống chung, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài. Hơn nữa, tại phiên tòa anh Hoàng A cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng khó cải thiện. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y và cho chị Y được ly hôn với anh Hoàng A là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Y và anh Hoàng A có 01 con chung tên Lê Đình Bảo T, sinh ngày 09/3/2015. Hiện con chung đang sống chung với anh, chị. Xét thấy, con chung của anh, chị còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Đồng thời, hiện anh Hoàng A đang bệnh dạng trầm cảm và đang trong giai đoạn điều trị, nên giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị Y yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy, anh Hoàng A là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa, anh Hoàng A cũng xác nhận bản thân có khả năng cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị Y, buộc anh Hoàng A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Anh Hoàng A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Y và anh Hoàng A được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Xuân Y.

Cho chị Đinh Thị Xuân Y được ly hôn với anh Lê Hoàng A.

2. Về con chung:

- Tiếp tục giao con chung tên Lê Đình Bảo T, sinh ngày 09/3/2015 cho chị Y nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y.

Buộc anh Hoàng A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tiền cấp dưỡng, nếu anh Hoàng A chậm thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Chị Y chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003536 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị Y đã thi hành xong phần án phí.

- Anh Hoàng A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc A, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN